

Số: 28/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 12 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149; Điều 361, 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2024 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 1990.

HKTT: **Đội 6, thôn N, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.**

2/ Chị **Đặng Mai A**, sinh năm 1992.

HKTT: **Số G đường B, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Bùi Trung Đ**, sinh ngày 14/8/2016.

Cháu **Bùi Ngọc H**, sinh ngày 01/5/2018.

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu là anh **T** và chị **Mai A** (bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14/03/2016 anh **Bùi Thanh T** và chị **Đặng Mai A** trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên** nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng hay cãi nhau trước mặt các con vì bất đồng công việc và quan điểm sống. Tháng 03/2024, anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh **T** và chị **Mai A** đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện

của anh chị nên cần chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh T và chị Mai A khẳng định có 02 con chung là Bùi Trung Đ, sinh ngày 14/8/2016 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 01/5/2018. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị Mai A nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi các cháu hàng tháng.

[3] *Về tài sản chung*: Đương sự khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Anh T và chị Mai A tự nguyện thỏa thuận anh T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Thanh T và chị Đặng Mai A.

1.2. *Về con chung*: Anh chị thống nhất thỏa thuận chị Mai A nuôi dưỡng cháu Bùi Trung Đ, sinh ngày 14/8/2016 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 01/5/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các cháu hàng tháng. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa: Anh Bùi Thanh T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0000472 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS. TP Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Nam, TP Hưng Yên, tỉnh

Hưng Yên.

(GCNKH số 10, ngày 14/03/2016);

- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Anh

